TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29 tháng 9 năm 2017
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Cúc
2. Bà Vũ Thị Hảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Duy Mạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VC, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 về *việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017'; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 01, Tổ 9, Khu phố 2, thị trấn VA, huyện VC, tỉnh ĐN (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Văn Chí L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 26, Tổ 2, Ấp 1, xã VT, huyện VC, tỉnh ĐN; Chỗ ở hiện nay: Ấp 5, xã VT, huyện VC, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Văn Chí L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện VC, tỉnh ĐN, được UBND xã VT cấp giấy chứng kết hôn số 278, quyển số 01 ngày 15/12/011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài. Có lần anh L dẫn người phụ nữ đó về nhà và sống chung trong nhà tôi thấy rõ và bắt gặp được việc này, tôi có khuyên anh L từ bỏ nhưng anh L không từ bỏ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Tôi dẫn 02 con về nhà mẹ ruột của tôi ở thị trấn VA sống và vợ chồng chính thức sống ly thân từ cuối năm 2015 anh L về nhà mẹ ruột tại ấp 5, xã VT sống cho đến nay. Quá trình ly thân tôi và anh L mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau, không có gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình. Nay tôi xác định tình cảm giữa tôi và anh Linh không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Văn Chí L.

- Về con chung: Tôi và anh L chung sống với nhau có 02 con chung tên là Văn Vân Cát T, sinh ngày 23/7/2012 và Văn Quốc K, sinh ngày 02/9/2015, hiện hai con đang ở với tôi. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cháu K và cháu T, yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Văn Chí L vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Văn Chí L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 26, Tổ 02, Ấp 1, xã VT, huyện VC, tỉnh ĐN; Chỗ ở hiện nay: Ấp 5, xã VT, huyện VC, tỉnh ĐN. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VC.

Bị đơn anh Văn Chí L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến trụ sở Tòa án tham gia tố tụng nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh L tại phiên tòa.

Về nội dung:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Văn Chí L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện VC, tỉnh ĐN và được UBND xã VT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 278, quyển số 01 ngày 15/12/2011 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn chính của chị H và anh L là do anh L có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, chị H yêu cầu anh L từ bỏ nhưng anh L không từ bỏ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Chị H và anh L chính thức sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay không quan tâm chăm sóc nhau, không có gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình. Tại phiên tòa chị H cương quyết xin ly hôn với anh L vì tình cảm không còn. Như vậy, tình cảm của chị H dành cho anh L không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn đối với anh Văn Chí L.

[2].Về nuôi con chung: Chị H và anh L có 02 con chung tên là Văn Vân Cát T, sinh ngày 23/7/2012 và Văn Quốc K, sinh ngày 02/9/2015, hiện các cháu T và K đang ở cùng chị tại nhà mẹ ruột của chị tại thị trấn VA, huyện VC được chị và bà ngoại chăm sóc phát triển bình thường, cháu T được chị cho đi học tại Trường mẫu giáo Phong Lan thị trấn VA. Chị hiện đang buôn bán gạo và nước giả khát tại nhà mẹ ruột của chị thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện kinh tế nuôi con. Còn anh L từ khi ly thân cuối năm 2015 cho đến nay không cấp dưỡng nuôi con, không quan tâm đến con. Tại phiên tòa chị yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị tiếp tục được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu T và K. Xét

thấy, yêu cầu trên của chị H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiếp tục giao các cháu T và K cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con chung cháu T và K số tiền 2.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Căn cứ vào các điều 107, 108 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại điểm a khoản 11 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì anh L không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên. Vì vậy, yêu cầu trên của chị H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cháu T và K số tiền 2.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[3].Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4].Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng); anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VC tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh L vắng mặt từ khi thụ lý cho đến khi kết thúc phiên tòa.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về quan hệ hôn nhân; về nuôi con chung, về cấp dưỡng. Còn về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Văn Chí L.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Văn Vân Cát T, sinh ngày 23/7/2012 và Văn Quốc K, sinh ngày 02/9/2015 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Văn Chí L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Văn Vân Cát T và Văn Quốc K số tiền 2.000.000 đồng/tháng/02 con (Hai triệu đồng trên tháng trên hai con) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: 001347 ngày 23/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VC. Chị H đã nộp đủ án phí.

- Anh Văn Chí L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh ĐN xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện VC;
- THADS huyện VC;
- UBND xã VT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuân